

Tế bào NCI-H69 | 300185

Thông tin chung

Description Dòng tế bào này là aneuploid, có thể hình thành các cụm tế bào trong agar mềm và duy trì hình thái và cấu trúc siêu vi của ung thư biểu mô tế bào nhỏ cũng như các đặc điểm của tế bào APUD. Các tế bào phát triển thành các cụm, do đó việc đếm tế bào không chính xác. Dòng tế bào này có thể được thích nghi để phát triển trong hệ thống bình lắc hoặc bình quay. Các tế bào này không kháng với Adriamycin.

Organism Con người

Tissue Phổi

Disease Ung thư phổi tế bào nhỏ

Metastatic site Tràn dịch màng phổi

Synonyms NCI-H-69, NCI H69, H69, H-69, NCIH69, NCI-HUT-69, H69/P, NCI-H69C, H69C, H69c

Đặc điểm

Age 55 năm

Gender Nam

Ethnicity Người da trắng

Growth properties Các hạt nổi

Dữ liệu quy định

Citation NCI-H69 (H69) (Số catalog Cytion 300185)

Biosafety level 1

NCBI_TaxID 9606

CellosaurusAccession CVCL_1579

Dữ liệu sinh học phân tử

Tế bào NCI-H69 | 300185

| | |
|----------------------------|---|
| Receptors expressed | Receptor của yếu tố tăng trưởng giống insulin II (IGF II) |
| Protein expression | P53 âm tính, cytokeratins dương tính |
| Isoenzymes | G6PD, B, PGM1, 2, PGM3, 1, ES-D, 2, Me-2, 1, AK-1, 1, GLO-1, 1-2, Tần suất kiểu hình: 0,00006 |
| Tumorigenic | Tạo thành các khối u có đặc điểm mô học của ung thư tế bào nhỏ điển hình |
| Karyotype | Aneuploid, có sự thiếu hụt đoạn 3p. Phạm vi = 40 đến 73 |

Xử lý

| | |
|---------------------------|---|
| Culture Medium | RPMI 1640, chứa: 2,0 mM glutamine ổn định, chứa: 2,0 g/L NaHCO ₃ (Số hiệu sản phẩm Cytion 820700a) |
| Supplements | Bổ sung 10% huyết thanh bò phôi (FBS) vào môi trường nuôi cấy |
| Doubling time | 69 giờ |
| Subculturing | Cho phép các hạt lắng xuống đáy bình, loại bỏ và vớt bỏ phần dịch lỏng trên bề mặt. Thêm môi trường tươi mới, phân tán tế bào bằng cách hút nhẹ và phân phối vào các bình mới. Thực hiện nuôi cấy lại mỗi 6 đến 8 ngày. |
| Seeding density | 1 x 10 ⁵ tế bào/ml |
| Fluid renewal | 2 đến 3 lần mỗi tuần |
| Post-Thaw Recovery | Sau khi rã đông, hãy để các tế bào phục hồi sau quá trình đông lạnh trong ít nhất 24 giờ. |
| Freeze medium | Như một môi trường bảo quản đông lạnh, chúng tôi sử dụng môi trường tăng trưởng hoàn chỉnh (bao gồm FBS) + 10% DMSO để đảm bảo độ sống sau khi rã đông, hoặc CM-1 (mã sản phẩm Cytion 800100), bao gồm các chất bảo vệ thẩm thấu và chất ổn định chuyển hóa được tối ưu hóa để nâng cao khả năng phục hồi và giảm stress do đông lạnh gây ra. |

Tế bào NCI-H69 | 300185

**Thawing and
Culturing Cells**

1. Xác nhận rằng ống nghiệm vẫn được đông lạnh sâu khi giao hàng, vì tế bào được vận chuyển trên đá khô để duy trì nhiệt độ tối ưu trong quá trình vận chuyển.
2. Khi nhận hàng, hãy bảo quản ống nghiệm đông lạnh ngay lập tức ở nhiệt độ dưới -150°C để đảm bảo tính toàn vẹn của tế bào, hoặc tiến hành bước 3 nếu cần nuôi cấy ngay lập tức.
3. Để nuôi cấy ngay lập tức, hãy rã đông ống nghiệm nhanh chóng bằng cách ngâm nó trong bồn nước 37°C với nước sạch và chất kháng khuẩn, khuấy nhẹ trong 40-60 giây cho đến khi còn lại một khối băng nhỏ.
4. Thực hiện tất cả các bước tiếp theo trong điều kiện vô trùng trong tủ hút khí, khử trùng ống cryovial bằng cồn 70% trước khi mở.
5. Mở ống đã khử trùng một cách cẩn thận và chuyển hỗn hợp tế bào vào ống ly tâm 15 ml chứa 8 ml môi trường nuôi cấy ở nhiệt độ phòng, khuấy nhẹ.
6. Ly tâm hỗn hợp ở $300 \times g$ trong 3 phút để tách tế bào và cẩn thận loại bỏ dịch siêu âm chứa môi trường đông lạnh còn lại.
7. Nhẹ nhàng hòa tan lại khối tế bào trong 10 ml môi trường nuôi cấy tươi. Đối với tế bào bám dính, chia hỗn hợp vào hai bình nuôi cấy T25; đối với tế bào nuôi cấy lơ lửng, chuyển toàn bộ môi trường vào một bình T25 để thúc đẩy tương tác và phát triển tế bào hiệu quả.
8. Tuân thủ các quy trình nuôi cấy con được thiết lập để duy trì sự phát triển và bảo quản dòng tế bào, đảm bảo kết quả thí nghiệm đáng tin cậy.

**Incubation
Atmosphere**

37°C , 5% CO_2 , môi trường ẩm.

Flask Coating

Để đạt được độ bám dính và khả năng sống sót tối ưu sau khi rã đông, chúng tôi khuyến nghị sử dụng **các ống nghiệm hoặc đĩa được phủ collagen**.

**Freezing
Procedure**

Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng -78°C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.

Tế bào NCI-H69 | 300185

Shipping Conditions

Các dòng tế bào được bảo quản bằng phương pháp đông lạnh được vận chuyển trên đá khô trong bao bì cách nhiệt đã được kiểm định, kèm theo lượng chất làm lạnh đủ để duy trì nhiệt độ khoảng -78°C trong suốt quá trình vận chuyển. Khi nhận hàng, hãy kiểm tra ngay lập tức bao bì và chuyển các ống nghiệm sang nơi lưu trữ phù hợp mà không chậm trễ.

Storage Conditions

Để bảo quản lâu dài, hãy đặt ống nghiệm vào nitơ lỏng ở pha hơi ở nhiệt độ khoảng -150 đến -196°C . Việc bảo quản ở -80°C chỉ được chấp nhận như một bước trung gian ngắn hạn trước khi chuyển sang nitơ lỏng.

Kiểm soát chất lượng / Hồ sơ di truyền / HLA

Sterility

Sự nhiễm khuẩn Mycoplasma được loại trừ bằng cả các phương pháp xét nghiệm dựa trên PCR và các phương pháp phát hiện Mycoplasma dựa trên phát quang.

Để đảm bảo không có nhiễm khuẩn vi khuẩn, nấm hoặc men, các mẫu nuôi cấy tế bào được kiểm tra trực quan hàng ngày.

Các alen HLA

A*: '02:01:01, '23:01:01
B*: '01:01:01, '01.02.1900 03:01
C*: '07:01:01, '14:02:01
DRB1*: '04:04:01, '04:05:01
DQA1*: '03:01:01, '03:03:01
DQB1*: 03:02:01
DPB1*: '01:01:01G, '03:01:01G
E: 01:01:01